

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1069/2025/DS-ST
Ngày: 26-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Thanh Phượng
- Bà Đỗ Thị Kiều Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/2025/TLST-DS ngày 17/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4241/2025/QĐXXST-DS ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5261/2025/QĐST-DS ngày 04/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Trụ sở: 266-268 Đường N, phường V, Quận B, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1973

Địa chỉ liên lạc: 278 Đường N, phường V, Quận B, Thành phố H

(Văn bản ủy quyền số 2274/2024/UQ-TGD ngày 15/4/2024)

Bị đơn: ông Vũ Trí Đức T2, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: thôn K, xã C, huyện L, tỉnh B

Địa chỉ: 1050/26 đường P, Tổ 55, Khu phố V, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 06/12/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T) và ông Vũ Trí Đức T2 có ký Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 28/3/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, nội dung: Ngân hàng đồng ý cấp cho ông T2 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ, ông T2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 99.703.921 đồng và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 99.480.522 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Do ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nên ngày 23/8/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T2 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T2 trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/5/2025 là 29.741.594 đồng (gồm: gốc 12.382.064 đồng và lãi quá hạn 17.359.530 đồng). Lãi tiếp tục tính từ ngày 09/5/2025 cho đến khi ông T2 thanh toán hết nợ.

** Bị đơn ông Vũ Trí Đức T2:* Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải thanh toán tính đến ngày 26/6/2025 là 30.530.347 đồng, trong đó: gốc 12.382.064 đồng; lãi quá hạn 18.148.283 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 27/6/2025 cho đến khi ông T2 thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng T yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền của thẻ tín dụng còn nợ và ông T2 có địa chỉ ghi trên Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 28/3/2019 tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng

tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông T1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và ông T2.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 28/3/2019 kèm bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa ông T2 và Ngân hàng T; Bảng tóm tắt sao kê tài khoản và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì đủ cơ sở kết luận: Việc ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa ông T2 và Ngân hàng T là có thật, tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Theo đó: Ngân hàng T đã cấp cho ông T2 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông T2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 99.703.921 đồng và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 99.480.522 đồng. Do ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ. Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T2 và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành vốn gốc mới và tính lãi theo mức lãi suất quá hạn.

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T2 vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, việc ông T2 không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng T là vi phạm thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/3/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các quy định của pháp luật.

Căn cứ các điều 22, 23 và Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T, buộc ông T2 thanh toán cho Ngân hàng T một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/6/2025 là 30.530.347 đồng, trong đó: gốc 12.382.064 đồng; lãi quá hạn 18.148.283 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 27/6/2025 cho đến khi ông T2 thanh toán hết nợ gốc.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.526.517 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Ông Vũ Trí Đức T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/6/2025 là 30.530.347 (Ba mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn ba trăm bốn mươi bảy) đồng, trong đó:

- Gốc: 12.382.064 đồng.
- Lãi quá hạn: 18.148.283 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 27/6/2025 cho đến khi ông Vũ Trí Đức T2 thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/3/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần T thì lãi suất mà ông Vũ Trí Đức T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 1.526.517 (Một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm mười bảy) đồng, ông Vũ Trí Đức T2 chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T 582.167 (Năm trăm tám mươi hai nghìn một trăm sáu mươi bảy) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0080397 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo chấp hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh